

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2022**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 2**

**NGÀY QUAN TRẮC 21 THÁNG 2 NĂM 2022**

**NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC 22 THÁNG 2 NĂM 2022**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN**

**VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

*ThS Vũ Quốc Chính*

**Thông tin chung**

*Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022” được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2022. Trong năm 2022 quan trắc tại 15 vị trí, 10 đợt vào vào các tháng 2, 3, 4, 7 và 8 (mỗi tháng lấy 2 đợt) và dự báo 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ [www.httl.com.vn](http://www.httl.com.vn) và gửi cho các địa phương vùng dự án.*

*Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 2 lấy mẫu ngày 21/2/2022. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thái, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.*

**Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2022**

## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 2

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**2. Ngày quan trắc:** 21/2/2022

**Ngày cung cấp TT:** 22/2/2022

**3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:**

- Mẫu lấy ngày 21/2/2022 vào thời điểm sau khi các hồ thủy điện xả nước đợt 3, kết thúc giai đoạn lấy nước đổ ải và cấy lúa vụ Chiêm Xuân. Từ ngày 13/02/2022 đến ngày 28/02/2022 theo lệnh điều hành hệ thống của Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải: Xuân Quan trữ nước hạ lưu; Báo Đáp, Kênh Cầu, Lược Điền, cống Tranh mở thông; Neo, Bá Thủy trữ nước thượng lưu; Cầu Xe, An Thổ; Cầu Cát lấy nước ngược.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cống Xuân Quan, Âu Cầu Cát đóng kín, Kênh Cầu, Bá Thủy, Âu Lược Điền, cống Neo mở thông; Cống An Thổ, Cầu Xe mở gạn tháo. Các cống tiêu Xuân Thủy mở 3 cửa; Ngọc Đà, Bình Lô Ngọc Lâm, Phần Hà mở thông.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 (Có danh sách kèm theo)

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và MT

**Người cung cấp thông tin:** ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 2 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A<sub>1</sub> và B<sub>1</sub>)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thủy	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL = 105cm; HL = 132cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không rác thải.	14,5	7,38	5,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS
2	BHH2	Cống Xuân Thủy	- Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước	- Mở 3 cửa, dòng chảy mạnh. Mức nước TL =	13,3	7,61	1,8	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo: Người dân hạn

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
			thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	265cm; HL = 209 cm; - Nước có màu xám đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải.				chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn và không mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Dòng chảy yếu theo hướng về cầu Tăng Bảo. - Nước nâu đục, mùi hôi nhẹ, nhiều rác thải nổi trên sông.	13,0	7,04	2,4	- DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới qua TB Như Quỳnh; tăng cường lấy nước bổ sung từ sông Đuống qua TB Phú Mỹ.
4	BHH4	Cống kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	- Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mực nước TL= 203 cm; HL= 202cm. - Nước màu nâu nhạt, không mùi, không có rác thải.	14,1	7,53	4,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang,	- Cống mở 2 cửa, dòng chảy mạnh. - Nước trên kênh có màu xanh đen, mùi hôi thối, nhiều rác	12,6	7,49	1,9	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo cho người dân hạn chế lấy nước tưới và

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
			Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	thải. Hạ lưu sau cống, nước có màu xám đen, mùi hôi, nổi nhiều bọt trắng.				không sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Cống mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	13,5	7,78	3,4	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
7	BHH7	Cống Phần Hà	- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Cống mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	14,4	7,51	3,8	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông	- Cống mở thông, dòng chảy trung bình. Mực nước TL= 144 cm; HL= 142 cm. - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ. Nhiều bèo tây và rác thải trước cống.	14,5	7,55	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Kim Sơn.					
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, dòng chảy yếu. - Nước màu xanh lục đậm, mùi hôi thối, nhiều rêu nổi theo đám nhỏ.	16,7	7,81	1,7	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Không nên mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 150, HL= 109 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải và có cá lớn chết.	16,9	7,60	3,4	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
11	BHH11	Cổng An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng mở cạn tháo, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 094 cm; HL= 092cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, nhiều rác thải và bèo tây trước cổng.	14,6	7,58	4,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng mở cạn tháo, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 097 cm; HL= 094cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	14,9	7,62	4,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở thông, dòng chảy trung bình ra sông Kim Sơn. Mức nước TL= 198 cm; HL = 199 cm. - Nước màu nâu phù sa,	13,1	7,38	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào ruộng. Nhưng không sử dụng nước

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
				không có mùi lạ, không rác thải.				trực tiếp cho NTTS.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Dòng chảy yếu từ sông Cừu An vào. - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	13,0	7,86	3,8	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào ruộng. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cừu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 140cm; HL= 138cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo và rác thải.	14,0	7,52	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước vào ruộng. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1</b>				-	-	<b>6,0-8,5</b>	<b>≥6</b>	-
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1</b>				-	-	<b>5,5-9,0</b>	<b>≥4</b>	-

**Ghi chú:** QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;